

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH
KHOA SƯ PHẠM KỸ THUẬT

TS. NGUYỄN VĂN HÙNG - TS. PHẠM NGỌC UYÊN

Th.S HÀ MẠNH HỢP - Th.S NGUYỄN THỊ MÔN

GIÁO TRÌNH
GIÁO DỤC HỌC NGHỀ NGHIỆP
(Giáo trình lưu hành nội bộ)

NAM ĐỊNH - 2010

MỤC LỤC

Chương 1: KHÁI QUÁT VỀ GIÁO DỤC HỌC NGHỀ NGHIỆP	5
1.1. Một số khái niệm và vị trí của giáo dục nghề nghiệp	5
1.1.1. Giáo dục	5
1.1.2. Giáo dục học	11
1.1.3. Giáo dục nghề nghiệp	14
1.1.4. Giáo dục học nghề nghiệp	15
1.1.5. Vị trí của giáo dục nghề nghiệp trong hệ thống giáo dục quốc dân	19
1.2. Mục đích giáo dục nghề nghiệp	23
1.2.1. Khái niệm mục đích giáo dục	23
1.2.2. Mục đích giáo dục Việt Nam	23
1.2.3. Mục đích giáo dục nghề nghiệp	26
1.3. Nguyên lí giáo dục	27
1.3.1. Khái niệm nguyên lí giáo dục	27
1.3.2. Nguyên lí giáo dục Việt Nam	27
1.3.3. Phương hướng thực hiện nguyên lí giáo dục trong giáo dục nghề nghiệp	29
1.4. Các yếu tố tác động đến quá trình giáo dục nghề nghiệp	30
1.4.1. Yếu tố khách quan	30
1.4.2. Yếu tố chủ quan	33
1.5. Bài tập	34
Chương 2: LÝ LUẬN GIÁO DỤC	36
2.1. Quá trình giáo dục	36
2.1.1. Bản chất quá trình giáo dục	40
2.1.2. Các khâu của quá trình giáo dục	39
2.2. Nguyên tắc giáo dục	40
2.2.1. Khái niệm	40
2.2.2. Hệ thống nguyên tắc giáo dục	41
2.2.3. Thực hiện các nguyên tắc giáo dục trong giáo dục nghề nghiệp	45
2.3. Nội dung giáo dục	46
2.3.1. Giáo dục tri thức đạo đức và hành vi đạo đức	46
2.3.2. Giáo dục ý thức và thái độ	48

2.3.3. Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng	50
2.3.4. Giáo dục văn hóa thẩm mỹ	51
2.3.5. Một số nội dung giáo dục mới	54
2.4. Phương pháp giáo dục	58
2.4.1. Khái niệm	58
2.4.2. Hệ thống phương pháp giáo dục	60
2.4.3. Phương hướng vận dụng phương pháp giáo dục trong giáo dục nhân cách nghề	66
2.5. Tập thể học sinh học nghề và giáo viên chủ nhiệm lớp	66
2.5.1. Tập thể học sinh học nghề	66
2.5.2. Giáo viên chủ nhiệm lớp	69
2.6. Một số vấn đề về giáo viên dạy nghề và người học nghề	72
2.6.1. Tiêu chuẩn giáo viên dạy nghề	72
2.6.2. Nhiệm vụ và quyền của giáo viên dạy nghề	72
2.6.3. Chính sách đối với người học nghề	73
2.6.4. Nhiệm vụ và quyền của người học nghề	75
2.7. Bài tập	76
Chương 3 : LÝ LUẬN VỀ DẠY HỌC NGHỀ NGHIỆP	77
3.1. Quá trình dạy học	77
3.1.1. Khái niệm quá trình dạy học	77
3.1.2. Bản chất quá trình dạy học	81
3.1.3. Động lực của quá trình dạy học	82
3.1.4. Các thành tố của quá trình dạy học	84
3.1.5. Các khâu của quá trình dạy học	86
3.1.6. Nhiệm vụ dạy học	89
3.1.7. Dạy học lý thuyết, thực hành, tích hợp	92
3.2. Mục tiêu dạy học	99
3.2.1. Khái niệm	99
3.2.2. Phân tích mục tiêu dạy học	99
3.2.3. Mục tiêu dạy nghề	101
3.3. Nội dung dạy học	104
3.3.1. Khái niệm	104

3.3.2. Cấu trúc nội dung dạy học	104
3.3.3. Cấu trúc nội dung dạy nghề	105
3.4. Nguyên tắc dạy học	111
3.4.1. Khái niệm	111
3.4.2. Hệ thống nguyên tắc dạy học	112
3.4.3. Thực hiện các nguyên tắc dạy học trong dạy nghề	118
3.5. Phương pháp dạy học	119
3.5.1. Khái niệm	119
3.5.2. Các phương pháp dạy học	122
3.5.3. Phương hướng vận dụng phương pháp dạy học trong dạy nghề	150
3.6. Hình thức tổ chức dạy học	152
3.6.1. Khái niệm	152
3.6.2. Hình thức tổ chức dạy học	153
3.7. Kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học	156
3.7.1. Mục đích và ý nghĩa của kiểm tra, đánh giá	156
3.7.2. Hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá	159
3.8. Bài tập	166
Tài liệu tham khảo	167

LỜI NÓI ĐẦU

Giáo dục học nghề nghiệp được coi là một khoa học nghiên cứu bản chất và quy luật của các quá trình giáo dục - đào tạo thế hệ nhân cách con người mới, phát triển toàn diện, được chuẩn bị về mọi mặt để biết làm mọi việc theo mục tiêu đã hướng đích, sẵn sàng lao động sáng tạo khi thực thi nhiệm vụ xây dựng cũng như bảo vệ Tổ quốc. Đơn vị cấu thành của nó là hệ thống những tri thức cơ bản, hiện đại, khái quát có hệ thống về lý luận giáo dục, lý luận dạy học, lý luận quản lý giáo dục và lý luận thiết bị giáo dục. Môn giáo dục học nghề nghiệp được đưa vào dạy học trong trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật nhằm mục đích cung cấp cho sinh viên những đơn vị tri thức cơ bản, hiện đại, khái quát có hệ thống về giáo dục học nghề nghiệp, thông qua đó hình thành và phát triển hệ thống những kỹ năng sư phạm cũng như những thái độ sư phạm cần thiết ở người học. Giáo trình giáo dục học nghề nghiệp này được biên soạn theo chương trình mới mà nội dung của nó là những đơn vị tri thức chung, khái quát về những vấn đề chung của giáo dục học nghề nghiệp, lý luận giáo dục và lý luận dạy học. Các đơn vị tri thức này được trình bày theo những đơn vị học trình theo một thể hoàn chỉnh các học phần. Việc hiểu thấu đáo những đơn vị tri thức của giáo dục học nghề nghiệp có khả năng tạo cho chủ thể có được những tiền đề cần thiết để hành nghề sư phạm kỹ thuật. Do vậy, việc tích cực chủ động, sáng tạo và hăng say khi tiếp thu tri thức lý luận giáo dục học nghề nghiệp, biết tiến hành phân tích thực tiễn giáo dục theo tư tưởng của lý luận giáo dục nghề nghiệp cũng như thường xuyên biết vận dụng chúng vào thực tiễn học tập, rèn luyện của mình ở trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật được coi là những vấn đề thường trực trong hoạt động tư duy của sinh viên khi học giáo trình này.

Trong quá trình biên soạn, mặc dù đã có nhiều cố gắng, song công trình này vẫn còn những sai sót và hạn chế nào đó. Rất mong nhận được sự góp ý và chỉ giáo quý báu của độc giả để chúng tôi có điều kiện thực tế tiến hành hoàn thiện công trình này.

Các tác giả

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ GIÁO DỤC HỌC NGHỀ NGHIỆP

1.1. Một số khái niệm và vị trí của giáo dục nghề nghiệp

1.1.1. Giáo dục

a) Giáo dục là một hiện tượng xã hội

Ngay từ khi xuất hiện trên trái đất, để tồn tại và phát triển con người phải lao động. Trong lao động và cuộc sống hằng ngày con người đã nhận thức thế giới xung quanh, tích lũy kinh nghiệm sống, kinh nghiệm lao động và chinh phục tự nhiên, từ đó nảy sinh nhu cầu truyền đạt những hiểu biết cho nhau. Đó chính là nguồn gốc của hiện tượng giáo dục.

Lúc đầu giáo dục xuất hiện như một hiện tượng tự phát, sau trở thành một hoạt động có ý thức. Con người dần dần biết xác định mục đích, hoàn thiện nội dung và tìm ra các phương pháp để giáo dục có hiệu quả.

Giáo dục là quá trình thế hệ trước không ngừng truyền lại kinh nghiệm cho thế hệ sau, thế hệ sau lĩnh hội những kinh nghiệm đó để tham gia vào cuộc sống lao động và các hoạt động xã hội nhằm duy trì và phát triển xã hội loài người. Vì vậy, giáo dục là cơ hội giúp cho mỗi cá nhân phát triển toàn diện, xã hội loài người mới được duy trì và phát triển.

Quá trình truyền đạt và lĩnh hội trên được nảy sinh và phát triển gắn liền với sự nảy sinh và phát triển xã hội loài người. Ngay từ thời xã hội nguyên thủy, người ta đã truyền lại cho nhau những kinh nghiệm săn, bắt, hái lượm... Đó chính là hiện tượng giáo dục. Tuy nhiên, hiện tượng giáo dục ở giai đoạn sơ khai này của xã hội loài người còn diễn ra một cách đơn giản, tự phát theo lối quan sát bắt chước. Qua những giai đoạn phát triển tiếp theo của xã hội loài người, trong mỗi tiến trình đó, giáo dục luôn có sự thay đổi và tiến bộ rõ rệt. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay giáo dục đã trở thành hoạt động vô cùng quan trọng, đạt đến trình độ cao về tổ chức, nội dung, phương pháp và đã trở thành động lực thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng của xã hội loài người.

Như vậy, hoạt động giáo dục là một bộ phận của đời sống xã hội, nó luôn phát triển, không ngừng đổi mới và nâng cao dần cùng với sự phát triển và tiến bộ của xã hội loài người. Giáo dục trở thành nhân tố then chốt của sự phát triển. Mặt khác giáo dục không ngừng biến đổi, hoàn thiện cùng với sự thay đổi của xã hội. Giáo dục được xem như là một quá trình xã hội hoá liên tục trong cuộc sống của mỗi người.

Xã hội muốn tồn tại và phát triển, thế hệ sau phải lĩnh hội được tất cả các kinh nghiệm xã hội lịch sử mà thế hệ trước đã tích lũy và truyền đạt, đồng thời họ còn phải có nghĩa vụ làm cho những kinh nghiệm đó được phát triển phong phú hơn, sâu sắc hơn. Nhờ có giáo dục mà thế hệ sau mới chủ động, tích cực tham gia lao động sản xuất và các hoạt động khác, thông qua đó mà tiếp tục giữ vững sự tồn tại, phát triển và tiếp tục hoàn thiện xã hội loài người trong đó có bản thân mình.

b) Tính chất của giáo dục

1) Giáo dục là hiện tượng phổ biến và vĩnh hằng

Giáo dục là hiện tượng phổ biến chỉ có ở xã hội loài người, giáo dục có ở mọi thời đại, mọi xã hội, mọi thiết chế xã hội.

Giáo dục mang tính vĩnh hằng bởi lẽ giáo dục xuất hiện, phát triển gắn bó cùng loài người. Ở đâu có con người ở đó có giáo dục. Giáo dục duy trì sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người, nó không thể mất, nếu không có giáo dục thì xã hội loài người không thể tồn tại.

2) Giáo dục là hiện tượng có tính lịch sử

Giáo dục là hiện tượng ra đời gắn liền với tiến trình đi lên của xã hội. Một mặt nó phản ánh trình độ phát triển của lịch sử, bị quy định bởi trình độ phát triển của lịch sử, mặt khác nó lại tác động tích cực vào sự phát triển của lịch sử. Ở mỗi giai đoạn phát triển của xã hội có một trang lịch sử giáo dục đặc trưng cho giai đoạn phát triển đó. Nó tương ứng với trình độ phát triển kinh tế - xã hội cũng như với mục đích, nội dung, phương pháp giáo dục trong mỗi giai đoạn.

Hiện nay, giáo dục Việt Nam có những đóng góp tích cực vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Học tập đã trở thành quyền lợi, nghĩa vụ của mỗi người dân. Đảng ta đã khẳng định rằng: “Phát triển giáo dục và đào tạo là một trong những động lực thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, là điều kiện để phát huy nguồn lực con người - yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững”.

3) Giáo dục có tính giai cấp

Trong xã hội có giai cấp, giáo dục mang tính giai cấp, giáo dục được sử dụng như một công cụ nhằm duy trì quyền lợi của mình thông qua mục đích, nội dung và phương pháp giáo dục. Giáo dục luôn truyền bá tư tưởng và bảo vệ quyền lợi cho một giai cấp nhất định. Nhà trường là một diễn đàn tư tưởng quan trọng của cuộc đấu tranh giai cấp. Chiếm lĩnh được nhà trường là một vấn đề phức tạp song rất quan trọng trong cuộc đấu

tranh giai cấp. Giai cấp nào dành được nhà trường, giai cấp đó sẽ thắng lợi trong cuộc đấu tranh của mình với giai cấp đối lập. Tính giai cấp của giáo dục là điều tất yếu quan trọng của việc xây dựng và phát triển giáo dục trong xã hội có giai cấp. Nó quy định bản chất của giáo dục là một phương thức đấu tranh giai cấp, nhà trường là một công cụ chuyên chính giai cấp, là một vũ đài của cuộc đấu tranh giai cấp. Giai cấp thống trị luôn sử dụng nhà trường (giáo dục) là một phương tiện để duy trì củng cố nền thống trị và sự áp đặt của nó đối với nhân dân lao động.

Ở Việt Nam, mục đích của Nhà nước ta là hướng tới xóa bỏ áp bức bóc lột, từ đó hướng tới sự bình đẳng, công bằng trong giáo dục. Khi chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bên cạnh những mặt tích cực vẫn còn những mặt trái khó tránh được. Nhà nước đã đưa những chính sách nhằm đảm bảo công bằng trong giáo dục:

- Mọi công dân đều có quyền tiếp cận hệ thống giáo dục;
- Xóa mù chữ, phổ cập giáo dục;
- Đa dạng, mềm dẻo các loại hình đào tạo, các loại hình trường lớp.

4) Giáo dục là hình thái ý thức xã hội

Giáo dục là hình thái ý thức xã hội, là hiện tượng văn minh của xã hội loài người. Về bản chất, giáo dục là sự truyền đạt lĩnh hội kinh nghiệm lịch sử - xã hội của các thế hệ. Về mục đích, giáo dục là sự định hướng của thế hệ trước cho sự phát triển của thế hệ sau. Về phương thức, giáo dục là cơ hội giúp đỡ cá nhân đạt đến hạnh phúc và là cơ sở đảm bảo cho sự kế thừa, tiếp nối và phát triển những thành quả của xã hội loài người.

5) Giáo dục có tính dân tộc

Mỗi quốc gia đều có một truyền thống lịch sử, có nền văn hoá riêng, cho nên giáo dục ở mỗi nước cũng mang nét độc đáo, sắc thái đặc trưng thể hiện trong mục đích, nội dung, phương pháp và trong sản phẩm giáo dục của mình. Nền giáo dục hiện đại Việt Nam mang đậm bản sắc dân tộc Việt Nam.

c) Chức năng của giáo dục

Giáo dục thực hiện ba chức năng: chức năng kinh tế - sản xuất, chức năng chính trị - xã hội và chức năng tư tưởng - văn hoá. Những chức năng này đã thể hiện vai trò của giáo dục đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội về mọi lĩnh vực.

1) Chức năng kinh tế - sản xuất

Muốn có một nền kinh tế phát triển mạnh mẽ với năng suất lao động ngày càng cao thì phải có đông đảo những người lao động có phẩm chất đạo đức, có tay nghề để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - sản xuất theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Điều này chỉ có thể thực hiện được thông qua giáo dục.

Với chức năng kinh tế - sản xuất, giáo dục tái sản xuất sức lao động xã hội, tức là làm cho số ng-ời lao động th-ờng xuyên tăng lên, trình độ tay nghề, trình độ văn hóa đ-ợc nâng lên một cách có hệ thống.

Giáo dục là một quá trình xã hội góp phần đắc lực vào việc đào tạo những con ng-ời lao động mới, tiến bộ phục vụ cho ph-ơng thức sản xuất của xã hội. Mặc dù giáo dục không trực tiếp sản xuất nh-ng đã tái sản xuất ra sức lao động xã hội của thế hệ sau hơn thế hệ tr-ước. Tức là nó có tác dụng cải biến cái bản thể tự nhiên chung của con ng-ời làm cho họ có kiến thức, kĩ năng kĩ xảo về một lĩnh vực lao động phù hợp, tạo ra một năng suất lao động cao, trực tiếp thúc đẩy sản xuất, phát triển kinh tế.

Chúng ta đang sống trong thời kì văn minh, hậu công nghiệp có sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin. Thời điểm này đã đặt ra yêu cầu rất cao đối với nguồn nhân lực lao động là phải có trình độ học vấn cao, kiến thức sâu sắc, có tay nghề vững vàng và cao hơn nữa là có tính năng động, sáng tạo, linh hoạt để thích nghi, đáp ứng đ-ợc nhu cầu tiến trình phát triển của xã hội.

Để thực hiện tốt chức năng kinh tế - sản xuất, giáo dục phải tập trung những yêu cầu cơ bản sau đây:

- Giáo dục phải gắn liền với thực tiễn xã hội, đáp ứng nguồn nhân lực theo yêu cầu phát triển kinh tế - sản xuất trong từng giai đoạn cụ thể;

- Xây dựng một hệ thống giáo dục quốc dân cân đối, đa dạng nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi d-ỡng nhân tài cho tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, khoa học, công nghệ... làm động lực trực tiếp thúc đẩy đất n-ớc phát triển hoà nhập với các n-ớc văn minh trên thế giới;

- Không ngừng đổi mới nội dung, ph-ơng pháp, ph-ơng tiện giáo dục... nhằm nâng cao chất l-ợng giáo dục đào tạo nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao và những phẩm chất cần thiết, đáp ứng nhu cầu của nền sản xuất hiện đại. Đó là một vấn đề đang đặt ra cho các quốc gia phải quan tâm giải quyết.

2) Chức năng chính trị - xã hội

Trong một chế độ chính trị, bao giờ giai cấp cầm quyền cũng sử dụng giáo dục nh-một công cụ để duy trì chế độ chính trị xã hội đó, tức là duy trì mục tiêu chính trị cho xã

hội đó, giáo dục tác động đến cấu trúc xã hội tức là tác động đến các bộ phận của xã hội bao gồm các giai cấp, tầng lớp, các nhóm xã hội, các mối quan hệ giữa các bộ phận đó và những khác biệt giữa các giai cấp và bên trong các giai cấp, tầng lớp, các nhóm xã hội. Giáo dục tác động đến cấu trúc xã hội nhằm góp phần biến đổi cấu trúc xã hội theo mục đích mong muốn. Giáo dục xã hội chủ nghĩa góp phần làm cấu trúc xã hội trở nên thuần nhất, các tầng lớp xã hội xích lại gần nhau bằng cách nâng cao trình độ văn hoá nhận thức cho toàn thể nhân dân lao động, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân lựa chọn nghề nghiệp, thay đổi các vị trí xã hội. Còn giáo dục tư bản chủ nghĩa lại có tác dụng tái tạo cấu trúc xã hội mang tính giai cấp, duy trì và gia tăng những sự khác biệt và đối lập giữa các giai cấp trong xã hội bằng cách thực hiện một chính sách giáo dục phân biệt bất bình đẳng.

□ n-ớc ta, Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo đại diện cho quyền lực của dân, do dân, vì dân trên nền tảng của chủ nghĩa Mác- Lênin đang quyết tâm xây dựng đất n-ớc vì mục tiêu dân giàu, n-ớc mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Giáo dục phải phục vụ mục đích chính trị tốt đẹp và tư tưởng cao quý đó bằng toàn bộ hoạt động của mình thể hiện từ quan điểm, mục đích, nội dung, phương châm, phương pháp đến việc tổ chức quản lý giáo dục sao cho các chủ trương đường lối chính trị của Đảng, pháp luật của Nhà n-ớc, tư tưởng Hồ Chí Minh thấm nhuần sâu sắc đến mọi tầng lớp nhân dân để biến thành hành động thực tiễn, nhằm đưa đất n-ớc phát triển nhanh, mạnh và vững chắc.

Giáo dục góp phần thúc đẩy việc thực hiện các mục tiêu xã hội như giáo dục dân số và kế hoạch hoá gia đình góp phần thực hiện mục tiêu về phát triển dân số của xã hội; Giáo dục giới tính góp phần tiến tới sự bình đẳng nam, nữ... Chính sách ưu tiên theo vùng trong chế độ tuyển sinh hiện nay nhằm góp phần đảm bảo nguồn nhân lực có trình độ cho các vùng ít có điều kiện phát triển kinh tế xã hội như các vùng sâu, vùng cao...

3) Chức năng tư tưởng - văn hoá

Giáo dục là quá trình truyền đạt và lĩnh hội kinh nghiệm lịch sử - xã hội của các thế hệ, vì vậy thế giới ngày nay coi giáo dục là con đường cơ bản nhất để giữ gìn và phát triển nền văn hoá nhân loại.

Giáo dục có nhiệm vụ quan trọng xây dựng trình độ văn hoá cho toàn xã hội bằng cách phổ cập giáo dục phổ thông với trình độ ngày càng cao cho thế hệ trẻ và mọi người dân trong xã hội. Ngày nay có một tiêu chí để đánh giá sự giàu mạnh của một quốc gia chính là trình độ dân trí cao. Trình độ dân trí cao sẽ tiếp thu được các giá trị văn hoá tốt đẹp, đấu tranh ngăn ngừa xoá bỏ những tư tưởng hành vi tiêu cực ảnh hưởng đến tất cả

các hoạt động cần thiết trong đời sống xã hội nh- : xoá bỏ các phong tục, tập quán lạc hậu, mê tín dị đoan, tệ nạn xã hội, thực hiện kế hoạch hoá gia đình, an toàn giao thông... đồng thời giáo dục cũng phải thoả mãn nhu cầu học tập suốt đời của mỗi công dân. Do vậy, giáo dục còn là một phúc lợi cơ bản một cuộc sống tinh thần của mỗi thành viên trong xã hội. Giáo dục làm cho xã hội văn minh và công bằng, giáo dục có sứ mệnh giúp cho mọi ng- ời, không trừ một ai, đ- ợc phát huy tất cả mọi tài năng và mọi tiềm lực sáng tạo.

Để thực hiện chức năng t- t- ỡng - văn hoá, giáo dục phải đ- ợc quan tâm ngay từ bậc học mầm non đến đại học và trên đại học, phải phát triển hợp lý các loại hình giáo dục và ph- ơng thức đào tạo để mọi lứa tuổi đ- ợc h- ỡng quyền lợi học tập, thoả mãn nhu cầu phát triển của mọi công dân, góp phần đắc lực vào sự nghiệp Công nghiệp hóa, Hiện đại hóa đất n- ớc.

d) Quan điểm chỉ đạo phát triển giáo dục Việt Nam

Trên cơ sở phân tích đánh giá thực trạng giáo dục n- ớc ta trong thời gian qua, phân tích bối cảnh trong và ngoài n- ớc, nhận định thời cơ và thách thức đối với giáo dục trong thời kỳ mới, Đảng ta đã đ- a ra các quan điểm chỉ đạo thực tiễn giáo dục Việt Nam trong giai đoạn mới. Hiến pháp n- ớc Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (1992), Luật Giáo dục (2005) và chiến l- ợc phát triển giáo dục đã thể hiện những quan điểm chỉ đạo phát triển giáo dục n- ớc ta nh- sau:

1) Giáo dục là quốc sách hàng đầu, phát triển giáo dục là nền tảng, nguồn nhân lực chất l- ợng cao, là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp CNH - HĐH, là yếu tố cơ bản phát triển xã hội, tăng tr- ỡng kinh tế nhanh, bền vững.

Quan điểm này đ- ợc cụ thể hoá ở bốn nội dung sau:

+ Giáo dục đóng góp trực tiếp vào sự phát triển kinh tế - văn hoá xã hội, giáo dục và đào tạo đi tr- ớc một b- ớc. Đầu t- cho giáo dục là đầu t- phát triển, đầu t- phát triển phải tăng nhanh hơn chỉ cho tiêu dùng. Huy động mọi nguồn lực để phát triển giáo dục (nhân lực, vật lực, tài lực).

+ Giáo dục là bộ phận quan trọng hàng đầu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đối với địa ph- ơng, từng khu vực và cả n- ớc.

+ Có chính sách - u tiên cao nhất cho giáo dục nh- - u tiên về đầu t- tiên, - u đãi về tiền l- ơng, tăng ngân sách cho giáo dục.

+ Xây dựng đ- ờng lối, chính sách cho sự phát triển giáo dục.

2) Xây dựng nền giáo dục có tính nhân dân, dân tộc, khoa học, hiện đại theo định h- ớng xã hội chủ nghĩa, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và t- t- ỡng Hồ Chí Minh làm nền

tảng. Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, tạo cơ hội bình đẳng để ai cũng được học hành. Nhà nước và xã hội có cơ chế, chính sách giúp đỡ người nghèo học tập, khuyến khích những người học phát triển tài năng.

Giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe và thẩm mỹ, phát triển được năng lực của cá nhân, đào tạo những người lao động có kỹ năng nghề nghiệp, năng động, sáng tạo, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có ý chí vươn lên lập thân, lập nghiệp, có ý thức công dân, góp phần làm cho dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3) *Phát triển giáo dục phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, tiến bộ khoa học, công nghệ, củng cố quốc phòng, an ninh; Đảm bảo sự hợp lý về cơ cấu trình độ, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu vùng miền; Mở rộng quy mô trên cơ sở đảm bảo chất lượng và hiệu quả; Kết hợp giữa đào tạo và sử dụng. Thực hiện nguyên lý học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, lý luận gắn liền với thực tiễn, giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội.*

4) *Giáo dục là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân, xây dựng xã hội học tập, tạo điều kiện cho mọi người, ở mọi lứa tuổi, mọi trình độ được học không ngừng xuyên, học suốt đời. Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong phát triển giáo dục. Đẩy mạnh xã hội hoá, khuyến khích, huy động và tạo điều kiện để toàn xã hội tham gia phát triển giáo dục.*

Xã hội hoá giáo dục là huy động các lực lượng, các nguồn lực của xã hội để phát triển giáo dục; Đồng thời biến giáo dục thành quyền lợi và nghĩa vụ của mọi người dân, thành phúc lợi của toàn dân, thành dịch vụ cho mỗi cá nhân có nhu cầu và điều kiện, có cơ hội để học tập, phát triển; trên cơ sở đó xây dựng một xã hội học tập.

5) *Khắc phục tình trạng bất cập trên nhiều lĩnh vực, tiếp tục đổi mới chất lượng và hiệu quả giáo dục; phục vụ đắc lực sự nghiệp CNH - HĐH, chấn hưng đất nước, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững, sánh vai cùng các nước phát triển trong khu vực trên thế giới.*

1.1.2. Giáo dục học

a) Khái niệm

Khoa học là một trong những hình thái ý thức xã hội, bao gồm hoạt động để tạo ra hệ thống tri thức khách quan về thực tiễn, đồng thời bao gồm cả kết quả của hoạt động ấy, tức là toàn bộ những tri thức làm nền tảng cho bức tranh về thế giới. Khoa học hiện đại có trên hai nghìn bộ môn khác nhau, được phân thành các nhóm, các lĩnh vực khác nhau.

Giáo dục học là một ngành của khoa học xã hội ngày càng đ- ợc củng cố bằng hệ thống lý thuyết vững chắc và phát triển mạnh mẽ, góp phần to lớn vào sự phát triển xã hội. Trong nhóm các khoa học xã hội có một bộ môn nghiên cứu hiện t- ợng giáo dục kể trên chính là giáo dục học. *Giáo dục học là một khoa học về quá trình giáo dục con ng- ời, nó nghiên cứu các hiện t- ợng và các quy luật giáo dục, cũng nh- cách thức vận dụng những quy luật đó vào việc hình thành mẫu ng- ời theo yêu cầu của xã hội.*

Giáo dục học nghiên cứu khám phá bản chất của quá trình giáo dục, tìm tòi và phát hiện các quy luật cũng nh- các con đ- ờng giáo dục có hiệu quả để nâng cao chất l- ợng giáo dục và đào tạo. Giáo dục học là một bộ môn của khoa học giáo dục có liên quan với các khoa học khác nh- Triết học, Tâm lý học, Xã hội học giáo dục...

b) Đối t- ợng nghiên cứu của Giáo dục học

Đối t- ợng nghiên cứu của một khoa học là một phần của thế giới khách quan, mà lĩnh vực khoa học đó tập trung nghiên cứu khám phá, để tìm ra bản chất và quy luật vận động của nó. Mỗi khoa học nghiên cứu một khía cạnh của thế giới, nh- vậy tập hợp các khoa học của chuyên ngành khoa học giúp cho các nhà khoa học đi đúng trọng tâm, không lệch h- ớng trong quá trình tìm tòi sáng tạo.

Giáo dục học là một khoa học nghiên cứu về quá trình giáo dục con ng- ời. Đối t- ợng nghiên cứu của giáo dục học chính là quá trình giáo dục, một quá trình hoạt động đặc biệt trong các hoạt động của xã hội loài ng- ời.

Giáo dục học nghiên cứu khám phá bản chất của quá trình giáo dục, tìm tòi phát hiện các quy luật của quá trình giáo dục, tìm các con đ- ờng có hiệu quả để nâng cao chất l- ợng giáo dục và đào tạo phục vụ cho sự nghiệp phát triển đất n- ớc và con ng- ời.

Giáo dục học là một bộ môn của khoa học giáo dục nằm trong các khoa học xã hội. Giáo dục học có liên quan chặt chẽ với Tâm lý học lứa tuổi, Logic học, Ph- ơng pháp dạy học bộ môn. Giáo dục học dựa trên các khoa học đó để tiến hành nghiên cứu và tổ chức các hoạt động giáo dục.

c) Nhiệm vụ nghiên cứu của Giáo dục học

Một lý thuyết khoa học nào cũng bao gồm một hệ thống các nhiệm vụ cần giải quyết. Giáo dục học là một khoa học cần thực hiện các nhiệm vụ cơ bản sau:

- Giải thích nguồn gốc phát sinh, phát triển và bản chất của hiện t- ợng giáo dục. Tìm ra các quy luật chi phối quá trình giáo dục để tổ chức chúng đạt tới hiệu quả cao nhất;

- Xây dựng chương trình giáo dục và đào tạo dựa trên cơ sở dự đoán xu hướng phát triển của xã hội hiện đại, khả năng phát triển của khoa học, công nghệ trong tương lai;

- Nghiên cứu tìm tòi các phương pháp, phương tiện giáo dục mới trên cơ sở các thành tựu của khoa học, công nghệ hiện đại nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo;

- Nghiên cứu, xây dựng các lý thuyết giáo dục mới và tìm kiếm các khả năng ứng dụng của các lý thuyết đó vào thực tiễn giáo dục.

Ngoài ra còn nhiều nhiệm vụ khác ở phạm vi và khía cạnh cụ thể như: kích thích tính tích cực học tập của học sinh, nguyên nhân của việc nhận thức kém, tiêu chuẩn nghề nghiệp giáo viên...

d) Một số khái niệm của Giáo dục học

1) Giáo dục

- *Về bản chất*: giáo dục là quá trình truyền đạt và lĩnh hội kinh nghiệm lịch sử - xã hội mà thế hệ loài người đi trước để lại, từ đó mỗi cá nhân có được năng lực tự giáo dục và có được kết quả giáo dục cho mình.

- *Về hoạt động*: giáo dục là quá trình tác động đến các đối tượng giáo dục để hình thành cho họ những phẩm chất và năng lực cần thiết.

- *Về phạm vi*: khái niệm giáo dục bao hàm nhiều cấp độ khác nhau: 1) *Ở cấp độ thứ nhất cấp độ rộng*: giáo dục là quá trình hình thành nhân cách dưới ảnh hưởng của các yếu tố chủ quan và khách quan, có ý thức và không ý thức của cuộc sống. Đó là quá trình xã hội hoá con người; 2) *Ở cấp độ thứ hai*: giáo dục được hiểu là hoạt động có mục đích của xã hội, với nhiều lực lượng giáo dục tác động có kế hoạch, có hệ thống tới con người nhằm hình thành những phẩm chất nhân cách ở họ; 3) *Ở cấp độ thứ ba*: giáo dục được hiểu là quá trình tác động có kế hoạch có nội dung và bằng phương pháp của các nhà sư phạm trong nhà trường tới học sinh nhằm giúp họ nhận thức, phát triển trí tuệ và hình thành những phẩm chất nhân cách. Đó là quá trình sư phạm tổng thể. Ở cấp độ này giáo dục được hiểu theo nghĩa rộng, nó bao gồm: quá trình dạy học và quá trình giáo dục theo nghĩa hẹp.

Ngày nay, cùng với sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, người ta hiểu giáo dục là cho tất cả mọi người được thực hiện ở bất cứ không gian và thời gian nào thích hợp với từng loại đối tượng, bằng các phương tiện dạy học khác nhau, với các kiểu học tập đa dạng và linh hoạt, thích ứng với mọi biến đổi; 4) *Ở cấp độ thứ tư*: giáo dục là quá trình hình thành

phẩm chất đạo đức cho đối tượng giáo dục thông qua việc tổ chức cuộc sống, hoạt động và giao lưu. □ cấp độ này khái niệm giáo dục đ-ợc hiểu theo nghĩa hẹp, nó ngang hàng với khái niệm dạy học.

2) Giáo d-ỡng

Giáo d-ỡng là quá trình cung cấp kiến thức khoa học, hình thành ph-ơng pháp nhận thức và kỹ năng thực hành sáng tạo cho đối tượng giáo dục thông qua con đ-ờng dạy học.

3) Dạy học

Cũng nh- khái niệm giáo dục đ-ợc hiểu theo nghĩa hẹp, dạy học là một bộ phận của quá trình giáo dục đ-ợc hiểu theo nghĩa rộng (quá trình s- phạm tổng thể). Dạy học là quá trình tác động qua lại giữa ng-ời dạy và ng-ời học nhằm giúp ng-ời học lĩnh hội tri thức khoa học và hình thành hệ thống kỹ năng hoạt động nhận thức và thực tiễn, phát triển các năng lực hoạt động sáng tạo, trên cơ sở đó hình thành thế giới quan và các phẩm chất nhân cách của ng-ời học theo mục đích giáo dục.

4) Giáo dục suốt đời

Là nguyên tắc chỉ đạo việc tổ chức tổng thể một hệ thống giáo dục cũng nh- chỉ đạo việc tổ chức từng bộ phận của hệ thống giáo dục, ý t-ởng cơ bản của nguyên tắc này là giáo dục toàn diện cho các giai đoạn của cuộc đời con ng-ời.

5) Giáo dục cộng đồng

Là ph-ơng thức giáo dục không chính quy do ng-ời dân trong cộng đồng (xã, ph-òng, thôn, bản) tự tổ chức nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của những ng-ời không có đủ điều kiện theo học các tr-ờng, lớp giáo dục chính quy. Giáo dục cộng đồng là một loại hình giáo dục đã đ-ợc phát triển mạnh mẽ ở nhiều nơi trên thế giới, trong gần hai thập kỷ qua. Đặc tr-ng của giáo dục cộng đồng là h-ớng những hoạt động của các cơ sở giáo dục và đào tạo vào việc làm thỏa mãn mọi nhu cầu giáo dục và đào tạo cho từng cá nhân và cộng đồng dân c- trong vùng kinh tế — xã hội có những đặc thù riêng (về cấu trúc xã hội, trình độ phát triển kinh tế — sản xuất, bản sắc văn hóa truyền thống).

6) Giáo dục h-ớng nghiệp

Là một hệ thống các biện pháp giáo dục của nhà tr-ờng, gia đình và xã hội nhằm chuẩn bị cho thế hệ trẻ về t- t-ởng, tâm lý, tri thức, kỹ năng để họ sẵn sàng đi vào ngành nghề, lao động sản xuất, bảo vệ Tổ quốc.

1.1.3. Giáo dục nghề nghiệp

Thực tiễn giáo dục đã làm nảy sinh những kinh nghiệm giáo dục và chúng đ-ợc tích lũy trong kho tàng quý báu của giáo dục học dân gian, các t- t-ởng giáo dục dần dần hình

thành và xuất hiện trong các hệ thống Triết học. Đến đầu thế kỷ thứ XVII giáo dục mới đ- ợc tách ra thành một ngành khoa học độc lập nhờ công lao của nhà giáo dục vĩ đại ng- ời Tiệp Khắc là Jan Anos Komensky (1592-1670). Song Giáo dục học chỉ trở thành một khoa học thực sự với sự xuất hiện học thuyết Mác. Thực tiễn giáo dục trong đó bao gồm một bộ phận là thực tiễn giáo dục nghề nghiệp cũng với t- cách là một bộ phận của thực tiễn xã hội ngày càng thể hiện rõ tính độc lập t- ơng đối so với các bộ phận giáo dục khác. Những kinh nghiệm, t- t- ơng giáo dục nghề nghiệp dần dần đ- ợc nảy sinh và ứng dụng hầu hết các kinh nghiệm và t- t- ơng này đồng thời quan hệ của chúng có những đặc thù. Cách đây vài thập kỷ giáo dục nghề nghiệp mới dần dần khẳng định là một khoa học trong các khoa học giáo dục với đối t- ơng, hệ thống các khái niệm, phạm trù và ph- ơng pháp nghiên cứu.

Thuật ngữ giáo dục nghề nghiệp th- ờng đ- ợc hiểu theo nghĩa rộng bao gồm các trình độ đào tạo tiến hành trong các tr- ờng dạy nghề và các cơ sở đào tạo.

Giáo dục nghề nghiệp là một bộ phận của hệ thống giáo dục quốc dân có chức năng đào tạo ng- ời lao động có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để trực tiếp tham gia các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ,...theo nhu cầu của thị tr- ờng lao động và có thể tiếp tục học bổ sung hoặc nâng cấp trình độ lên cao nếu có nhu cầu và điều kiện. Giáo dục nghề nghiệp là một lĩnh vực đào tạo đa dạng về đối t- ơng tuyển sinh, loại hình và cơ cấu ngành nghề, có quan hệ chặt chẽ và chịu sự chi phối, ảnh h- ưởng trực tiếp của nhu cầu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội, thị tr- ờng lao động, việc làm trên phạm vi toàn quốc và từng địa ph- ơng. Hiện nay, giáo dục nghề nghiệp ở n- ớc ta đã hình thành, tồn tại và phát triển mạnh mẽ đáp ứng nhu cầu học nghề của nhân dân lao động và nhu cầu nhân lực phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất n- ớc.

Giáo dục nghề nghiệp có những đặc điểm sau

Hệ thống giáo dục nghề nghiệp là một hệ thống bộ phận, hệ thống con trong hệ thống giáo dục quốc dân. Khi xét đến hệ thống này ng- ời ta th- ờng đề cập đến mối quan hệ của chúng theo lĩnh vực ngành nghề. Giáo dục nghề nghiệp bên cạnh những đặc điểm của giáo dục và đào tạo còn có những đặc điểm riêng:

- + Giáo dục nghề nghiệp gắn liền chặt chẽ và đáp ứng nhu cầu của thị tr- ờng lao động và việc làm;
- + Giáo dục nghề nghiệp gắn chặt chẽ với quá trình lao động nghề nghiệp thực tế và công việc hàng ngày của ng- ời lao động;
- + Giáo dục nghề nghiệp tập trung đào tạo năng lực thực hành nghề nghiệp và giáo dục đạo đức cho ng- ời học;

+ Giáo dục nghề nghiệp là sự đáp ứng hợp lý về thời gian đào tạo ở các cấp trình độ khác nhau theo yêu cầu của thị trường lao động;

+ Tính liên thông trong giáo dục nghề nghiệp vừa kế thừa tiếp thu được kết quả của hệ thống giáo dục phổ thông vừa đảm bảo yêu cầu của hệ thống giáo dục nghề nghiệp.

1.1.4. Giáo dục học nghề nghiệp (GDHNN)

a) Đối tượng nghiên cứu của GDHNN

Mỗi khoa học đều có đối tượng nghiên cứu, để xác định đối tượng nghiên cứu của giáo dục học nghề nghiệp chúng ta phải xác định được phạm vi và khách thể nghiên cứu tức là phạm vi của xã hội mà từ những đòi hỏi cụ thể của nó làm nảy sinh những hoạt động khoa học riêng biệt, việc nghiên cứu và tổ chức nó trở thành mục đích riêng biệt của hoạt động khoa học. Giáo dục học nghề nghiệp là một trường hợp ứng dụng cụ thể của Giáo dục học đại cương. Song Giáo dục học nghề nghiệp có những quy luật riêng đó là quá trình giáo dục nghề nghiệp diễn ra trong quá trình giáo dục đào tạo và gắn một cách hữu cơ với các quá trình lao động xã hội. Do đó, cả tri thức Giáo dục học, tri thức Kinh tế học, khoa học lao động, khoa học tâm lý, Xã hội học đều góp phần hình thành Giáo dục học nghề nghiệp.

Với cách là một khoa học, Giáo dục học nghề nghiệp có đối tượng nghiên cứu là các quy luật của các quá trình và hiện tượng giáo dục - đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp. Nghiên cứu quá trình giáo dục - đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp, nghiên cứu bản chất, quy luật xu hướng phát triển của giáo dục nghề nghiệp, nghiên cứu mục tiêu, phân tích các điều kiện xây dựng và hoàn thiện nội dung, hình thức tổ chức, phương pháp, biện pháp giáo dục - đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp.

b) Chức năng của GDHNN

Cũng như Giáo dục học đại cương, Giáo dục học nghề nghiệp có ba chức năng chủ yếu: chức năng lý thuyết, chức năng thực hành và chức năng dự báo.

Sự nghiên cứu, phân tích lý luận các tính quy luật của giáo dục là cần thiết để xác định các cơ sở của chính sách giáo dục cũng như của hoạt động thực tiễn của giáo viên và cán bộ giáo dục. Các kinh nghiệm thực tiễn phải được nghiên cứu và khái quát hóa về lý luận để đưa ra những hướng dẫn có cơ sở khoa học cho giáo viên và cán bộ giáo dục. Rõ ràng là chức năng lý thuyết và chức năng thực hành đó của Giáo dục học, Giáo dục học nghề nghiệp có quan hệ chặt chẽ với nhau.

Giáo dục học nghề nghiệp nghiên cứu các xu hướng, viễn cảnh phát triển của Giáo dục học nghề nghiệp, như vậy nó có chức năng dự báo. Những dự báo có cơ sở khoa học

là một tiền đề để lập kế hoạch một cách chắc chắn. Trong lĩnh vực giáo dục, việc dự báo khoa học có ý nghĩa đặc biệt to lớn bởi vì giáo dục về bản chất là định hướng vào tương lai.

Các chức năng lý thuyết, thực hành và dự báo của khoa học giáo dục được thể hiện trong việc xây dựng nhà trường và nền giáo dục của mỗi nước.

c) Nhiệm vụ của GDHNN

Để đạt được mục đích khoa học chung của giáo dục học nghề nghiệp là nghiên cứu các qui luật của quá trình giáo dục nghề nghiệp sự xâm nhập lẫn nhau giữa nó với các quá trình xã hội khác, từ đó đưa ra các hướng dẫn có cơ sở khoa học để cải biến thực tiễn xã hội, Giáo dục học nghề nghiệp phải thực hiện các nhiệm vụ cụ thể sau:

1) Phân tích khoa học các quan hệ cơ bản và có tính qui luật của quá trình GDHNN

Với mục đích xây dựng được cái mà một số nhà khoa học gọi là mô hình lý thuyết giúp ích cho nghiên cứu, giảng dạy và thực tiễn. Trường học phải nghiên cứu sâu sắc thực tế của giáo dục nghề nghiệp với tất cả những mâu thuẫn của nó để phát hiện những mối quan hệ bản chất của quá trình giáo dục và đào tạo nghề nghiệp. Sự phản ánh lý luận từ các nghiên cứu đó gắn liền với việc xác định các phạm trù và khái niệm cơ bản của Giáo dục học nghề nghiệp. Như vậy, một mặt nhiệm vụ nghiên cứu này đưa ra được cơ sở quyết định để tổ chức lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp ở tầm vĩ mô, mặt khác có ý nghĩa khẳng định và hoàn thiện Giáo dục học nghề nghiệp với tư cách là một ngành khoa học giáo dục.

2) Nghiên cứu mối quan hệ giữa mục đích với nội dung, các hình thức tổ chức và phương pháp của giáo dục nghề nghiệp

Từ đó vạch ra con đường thực hiện mục đích giáo dục, đưa ra các định hướng, hướng dẫn có cơ sở khoa học để tổ chức quá trình giáo dục nghề nghiệp, ví dụ như để xác định mục đích, nội dung, xác định các nhiệm vụ cụ thể...(cả ở tầm vĩ mô và cả vi mô).

3) Nghiên cứu hoạt động của GDHNN

Bao gồm các giáo viên dạy nghề và các cán bộ lãnh đạo quản lý giáo dục nghề nghiệp và hoạt động của người được giáo dục trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp. Những đặc điểm và yêu cầu đối với nhà giáo dục, mối quan hệ giữa nhà giáo dục và người được giáo dục, hoạt động của các cơ sở và tổ chức giáo dục nghề nghiệp. Trên cơ sở đó

đưa ra những hướng dẫn, chỉ dẫn cụ thể cho công tác giáo dục nghề nghiệp ở phạm vi các trường học (vĩ mô).

d) Phương pháp nghiên cứu của GNHNN

1) Giáo dục học nghề nghiệp và các khoa học giáo dục nói chung thường áp dụng các phương pháp chung của các khoa học như: phương pháp thống nhất tính lịch sử và tính logic, phương pháp đi từ trừu tượng đến cụ thể, phương pháp logic, các phương pháp toán học...

2) Các phương pháp dùng trong nghiên cứu Giáo dục học nghề nghiệp, gồm có: phương pháp phân tích và tổng kết kinh nghiệm được tiến hành theo hai hướng, nghiên cứu kinh nghiệm như là bộ phận hợp thành của bất cứ nghiên cứu giáo dục học nào. Nghiên cứu kinh nghiệm như là một phương pháp nghiên cứu độc lập để phát hiện và phổ biến những thành tựu và kinh nghiệm tốt của giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục. Phương pháp này giúp phát hiện các vấn đề cần giải quyết, nêu các giả thuyết kiến nghị các giải pháp để cải tiến và hoàn thiện quá trình sư phạm (dạy học, giáo dục, tổ chức và quản lý nhà trường...);

3) Phương pháp biện chứng duy vật Mác xít là phương pháp nhận thức phổ biến đã rút ra từ tất cả các ngành khoa học những qui luật chung của sự phát triển tự nhiên, xã hội và tư duy. Do vậy, phương pháp biện chứng duy vật Mác xít được coi là phương pháp luận hay thực hiện chức năng phương pháp luận trong bất cứ nghiên cứu khoa học nào. Nó có những yêu cầu cơ bản đối với công tác nghiên cứu là:

- Xem xét một cách toàn diện các quá trình và hiện tượng, các quan hệ nhiều mặt của chúng;

- Xem xét các quá trình và hiện tượng trong sự vận động biến đổi và phát triển của chúng;

- Xác định những động lực phát triển trên cơ sở vạch ra những mâu thuẫn bên trong và sự đấu tranh giữa các mặt đối lập;

- Đi từ hiện tượng đến bản chất;

- Coi thực tiễn là nguồn gốc nhận thức và tiêu chuẩn chân lý của nhận thức.

Đối với giáo dục học nghề nghiệp cũng như đối với các khoa học giáo dục nói chung, phương pháp biện chứng duy vật Mác xít là phương pháp luận, là kim chỉ nam, đòi hỏi các phương pháp nghiên cứu khác phải tuân thủ các yêu cầu trên của nó.

Hệ thống các phương pháp nghiên cứu của GDHNN

- Phương pháp quan sát sư phạm là phương pháp tri giác có mục đích một hiện tượng sư phạm nào đó để thu thập những số liệu sự kiện cụ thể đặc trưng cho quá trình diễn biến